

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Số: 21/2015/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cần Thơ, ngày 18 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý, sử dụng mạng cáp treo thông tin

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 10/2011/TT-BTTTT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về viễn thông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 1243/TTr-STTTT ngày 07 tháng 9 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, sử dụng mạng cáp treo thông tin.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 9 năm 2015 và đăng Báo Cần Thơ chậm nhất ngày 23 tháng 9 năm 2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Lê Hùng Dũng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý, sử dụng mạng cáp treo thông tin

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/2015/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2015

của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định quản lý, sử dụng mạng cáp treo thông tin.
2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước và chủ sở hữu cột treo cáp và chủ sở hữu các loại cáp treo (tuyến cáp treo hiện hữu, không phải cáp tạm thi công).

3. Quy định này không áp dụng trong các trường hợp khẩn cấp, đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và các trường hợp liên quan đến an ninh Quốc gia.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Cáp thông tin: là các loại cáp viễn thông, truyền hình, truyền thanh và các loại cáp truyền dẫn thông tin chuyên dùng khác.

2. Chủ sở hữu cột treo cáp: các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng và quản lý các loại cột treo cáp.

3. Chủ sở hữu cáp: các tổ chức, cá nhân đầu tư lắp đặt và quản lý mạng cáp treo trên hệ thống cột treo cáp.

4. Cột treo cáp: bao gồm cột bê tông vuông, bê tông ly tâm, cột thép hoặc bê tông cốt thép do các đơn vị chủ sở hữu cột treo cáp đầu tư và quản lý.

5. Cột chiếu sáng: là cột chuyên dùng để lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng công cộng.

6. Cáp treo: là cáp thông tin, bao gồm: cáp đồng, cáp quang; trong đó, có phân loại: cáp chính (gốc), cáp phối (nhánh) và cáp thuê bao.

7. Cấu trúc đỡ khác: các công trình, kết cấu khác cột treo cáp có thể treo, mắc, bợ đỡ mạng cáp treo (mái hiên, ô văng nhà liên kế, cột chiếu sáng, cây xanh).

8. Gông cáp: là đưa cáp treo vào hệ thống vòng kim loại (có vỏ nhựa hoặc không) được mắc cố định trên đường dây chịu lực, có kẻ hở thường đóng, dễ dàng đóng mở để cáp treo được gọn gàng, hạn chế rơi rớt và đảm bảo an toàn, mỹ quan.

9. Chỉnh trang cáp: bao gồm việc làm gọn, gông cáp, căng kích độ võng cáp, điều chỉnh độ cao cáp, treo thẻ nhận biết cáp, thẻ cảnh báo độ cao và cắt bỏ, thu hồi các cuộn cáp dư thừa, cáp treo không còn sử dụng trên cột treo cáp.

Các thuật ngữ khác có liên quan đến mạng cáp thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nguyên tắc treo cáp và sử dụng chung cột treo cáp

1. Cáp phải được lắp đặt chung trên hệ thống cột treo cáp hiện có tại các khu vực chưa thể thực hiện hạ ngầm hoặc không thể xây dựng cột treo cáp riêng biệt.

2. Cáp treo trên cột treo cáp phải đảm bảo các quy chuẩn kỹ thuật an toàn, mỹ quan đô thị, phù hợp với quy hoạch và các quy định của pháp luật có liên quan. Ngoài cột treo cáp, cáp treo không được treo, mắc trên hệ thống các cấu trúc đỡ khác.

3. Chủ sở hữu cột treo cáp phải tạo điều kiện cho các chủ sở hữu cáp treo thực hiện việc sử dụng chung cột treo cáp theo nguyên tắc đảm bảo công bằng, hợp lý về quyền và lợi ích hợp pháp giữa các bên tham gia. Việc tham gia sử dụng chung cột treo cáp phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Phải được sự thỏa thuận bằng hợp đồng sử dụng chung cột treo cáp giữa hai bên;

b) Việc lắp đặt thêm các đường dây cáp, thiết bị vào cột treo cáp phải đảm bảo sự hoạt động bình thường của hệ thống đã có;

c) Khi di dời cột treo cáp để giải phóng mặt bằng theo quyết định thu hồi đất của nhà nước, các đơn vị thuê sử dụng chung cột treo cáp phải chấp hành theo tiến độ mà chủ dự án đã thống nhất với đơn vị có cột treo cáp.

Điều 4. Các hành vi bị cấm

1. Lắp đặt đường dây cáp thông tin và thiết bị trên hệ thống đường cột và các cấu trúc đỡ khác không theo quy định tại Chương II Quy định này.

2. Không đưa cáp vào gông đối với các tuyến cáp kéo sau trên các tuyến đường đã được chỉnh trang, gông cáp theo quy định tại Chương III Quy định này.

3. Cản trở việc tham gia sử dụng chung hệ thống cột treo cáp theo quy định.
4. Vi phạm các quy định về quản lý, khai thác sử dụng và bảo trì mạng cáp treo thông tin.

Chương II

YÊU CẦU ĐỐI VỚI MẠNG CÁP TREO THÔNG TIN

Điều 5. Yêu cầu kỹ thuật đối với mạng cáp treo thông tin

Mạng cáp treo ngoài việc phải đảm bảo tuân thủ các Quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành và các quy định pháp luật có liên quan, phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Yêu cầu chung đối với cáp treo:

a) Không trồng cột mới đối với các tuyến đường đã có cột treo cáp (trừ trường hợp cột treo không có khả năng để treo thêm cáp). Trên mỗi cột treo cáp, mỗi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông (chủ sở hữu cáp) không treo nhiều hơn 01 (một) tủ/hộp cáp.

b) Khi treo thêm cáp thông tin trên các tuyến đường đã được chỉnh trang, làm gọn phải bảo đảm đúng yêu cầu kỹ thuật của tuyến cáp treo và phải bó gọn; đồng thời, phải đưa cáp vào gông đối với các tuyến cáp đã có hệ thống gông.

c) Trước khi treo thêm cáp thông tin (trừ cáp thuê bao) trên hệ thống cột đã có, tổ chức, cá nhân phải báo cáo bằng văn bản và gửi kèm bản vẽ thiết kế tuyến cáp đến sở Thông tin và Truyền thông và đơn vị sở hữu cột treo cáp trước 07 (bảy) ngày làm việc.

d) Cáp treo trên cột không được vượt quá kết cấu chịu lực của cột, phải đảm bảo an toàn.

đ) Măng sông cáp quang treo được bố trí tại các cột. Cáp quang tại cột có treo măng sông có thể dãi ra tối đa 10m để phục vụ hàn nối. Phần cáp quang dư được bó vòng với đường kính không quá 0,6m và phải để phía mặt trong cột, quấn quanh giá đỡ.

2. Yêu cầu đối với cáp thuê bao:

Cáp thuê bao phải kéo thẳng, bó gọn với độ cao như cáp chính và không để dự phòng trên cột. Trong khu vực các quận và các thị trấn thuộc huyện, độ dài cáp thuê bao không quá 300m, tại khu vực các xã thuộc huyện, tuyến cáp thuê bao có thể dài hơn 300m nhưng phải đảm bảo suy hao đường dây nằm trong phạm vi cho phép của doanh nghiệp.

Điều 6. Yêu cầu kỹ thuật đối với tủ cáp, hộp cáp

Tủ cáp, hộp cáp ngoài đảm bảo tuân thủ các Quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành và các quy định pháp luật có liên quan, phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Không lắp mới các tủ/hộp cáp có kích thước ngoài vượt quá:

- a) 850 x 250 x 200 mm (cao x rộng x sâu) đối với tủ cáp đồng;
- b) 500 x 400 x 150 mm (cao x rộng x sâu) đối với tủ cáp quang.

2. Tủ/hộp cáp lắp mới trên cột phải bố trí ở mặt sau cột (nhìn từ mặt đường vào), cố định chắc chắn vào thân cột bằng đai chống rỉ;

3. Đối với tủ/hộp cáp lắp đặt trên bề mặt phải sát phần giao nhau giữa lề đường và đất sử dụng hoặc sát tường nhà.

4. Tại các tủ/hộp cáp, cả cáp vào/ra đều phải được đặt trong ống nhựa, đi song song thân cột, cố định chắc chắn bằng đai chống rỉ với khoảng cách giữa các đai khoảng 0,5 mét.

5. Tủ/hộp cáp phải ghi tên chủ sở hữu theo dạng ký hiệu.

Điều 7. Yêu cầu về đảm bảo an toàn

1. Nhân viên thi công mạng cáp phải được đào tạo, tập huấn về an toàn lao động, đồng thời phải được trang bị đồng phục, phương tiện bảo hộ lao động trong quá trình thi công kéo cáp, chỉnh trang mạng cáp treo.

2. Chủ sở hữu cáp phải đăng ký về đồng phục nhân viên thi công mạng cáp cho đơn vị chủ sở hữu cột treo cáp, đồng thời thông báo về cơ quan quản lý Nhà nước (các Sở: Thông tin và Truyền thông, Công Thương, Giao thông vận tải, Xây dựng và Ủy ban nhân dân quận, huyện) để nắm, biết và quản lý.

Điều 8. Yêu cầu về thẻ nhận biết cáp, thẻ báo độ cao

Ngoài việc phải đảm bảo tuân thủ các Quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành và các quy định pháp luật có liên quan, thẻ nhận biết cáp, thẻ báo độ cao phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Thẻ nhận biết cáp phải có số điện thoại liên hệ chủ sở hữu, được treo tại các vị trí néo, vị trí nổi cáp với khoảng cách tối đa là 300m trên cùng một tuyến đường.

2. Tại các vị trí cáp vượt qua đường giao thông (đường bộ, đường thủy) phải treo biển cảnh báo độ cao tại vị trí thấp nhất của cáp so với mặt đường, mặt nước.

Chương III

CHỈNH TRANG MẠNG CÁP TREO THÔNG TIN

Điều 9. Nội dung chỉnh trang mạng cáp

1. Thu hồi cáp hỏng, cáp không sử dụng, cáp thuê bao vượt đường.

2. Thay thế nhiều cáp thuê bao bằng cáp có dung lượng lớn.

3. Gia cố, chỉnh sửa, thay thế cột, tủ/hộp cáp kém chất lượng hoặc không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, mỹ quan đô thị.

4. Kéo căng, bó gọn và gông cáp thông tin treo.

5. Sắp xếp cáp dự phòng, măng sông treo trên cột đúng quy định, không để ảnh hưởng đến an toàn giao thông và mỹ quan.

6. Treo thẻ nhận diện và thẻ báo độ cao cáp.

Điều 10. Xây dựng kế hoạch chỉnh trang mạng cáp

1. Hàng năm, chủ sở hữu cột treo cáp phải chủ trì, phối hợp với chủ sở hữu cáp treo xây dựng kế hoạch chỉnh trang mạng cáp treo theo nội dung quy định tại Điều 9 Quy định này.

2. Chủ sở hữu cột treo cáp tổ chức họp lấy ý kiến và thống nhất nội dung kế hoạch với các đơn vị chủ sở hữu cáp và đơn vị liên quan đến tổ chức, thực hiện kế hoạch.

3. Chủ sở hữu cột treo cáp ban hành kế hoạch, báo cáo kế hoạch về Sở Thông tin và Truyền thông và gửi các đơn vị liên quan để phối hợp thực hiện.

Điều 11. Thực hiện chỉnh trang mạng cáp treo

1. Chủ sở hữu cột treo cáp thông báo thời gian thực hiện kế hoạch, tổ chức tháo dỡ, cắt cáp không xác định chủ sở hữu, cáp không còn sử dụng hoặc treo cáp không đúng quy định cho các đơn vị liên quan; đồng thời, phối hợp các đơn vị có cáp treo lập biên bản ghi nhận số lượng, chủng loại cáp của từng đơn vị.

2. Trước khi tháo dỡ, cắt cáp ít nhất một (01) ngày, các đơn vị chủ sở hữu cáp treo có trách nhiệm kiểm tra, thống kê số lượng, chủng loại báo cho chủ sở hữu cột treo cáp; đồng thời, chịu trách nhiệm xử lý, khắc phục sự cố, gián đoạn thông tin liên lạc khi đơn vị thi công thực hiện.

3. Chủ sở hữu cột treo cáp chủ trì, phối hợp cùng các đơn vị có cáp treo tiến hành thực hiện kế hoạch chỉnh trang mạng cáp theo kế hoạch được quy định tại Điều 10 Quy định này. Chủ sở hữu cáp có trách nhiệm phối hợp đơn vị chủ sở hữu cột treo cáp triển khai thực hiện kế hoạch chỉnh trang mạng cáp treo triệt để theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Trong khi thực hiện kế hoạch chỉnh trang mạng cáp hạn chế tối đa gián đoạn thông tin liên lạc, phải có phương án vu hồi không để gián đoạn thông tin liên lạc của cơ quan ngoại giao, cơ quan Đảng, Chính phủ, chính quyền địa phương, cơ quan an ninh quốc phòng, các cơ quan có số điện thoại nóng khẩn cấp.

Chương IV

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG MẠNG CÁP TREO THÔNG TIN

Điều 12. Quản lý sau chỉnh trang mạng cáp

1. Đơn vị chủ sở hữu cột treo cáp trên các tuyến đường đã thực hiện kế hoạch chỉnh trang mạng cáp treo có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát các đơn vị treo cáp không đúng quy định trên các tuyến đường đã thực hiện chỉnh trang, bố gọn mạng cáp treo và chủ động phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo từng lĩnh vực quản lý.

2. Đơn vị chủ sở hữu cáp treo phải nghiêm túc thực hiện đúng các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn ngành và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Sau khi hoàn thành kế hoạch chỉnh trang mạng cáp treo, nếu các đơn vị sở hữu cáp cố tình thi công, treo cáp sai quy định tại khu vực đã thực hiện chỉnh trang (treo cáp ngoài công, sai quy chuẩn kỹ thuật, không thu hồi cáp thừa, cáp không sử dụng) sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Điều 13. Xử lý đối với cáp treo bị hư hỏng

1. Khi cáp thông tin đứt hoặc tủ/hộp cáp, cột bị hư hỏng, chủ sở hữu phải kịp thời phối hợp xử lý tạm thời nhằm đảm bảo an toàn giao thông và thông tin. Nếu sau 01 (một) giờ, kể từ lúc nhận thông báo của Sở Thông tin và Truyền thông và các ngành liên quan, chủ sở hữu vắng mặt sẽ không được khiếu nại về việc xử lý của các cơ quan có thẩm quyền.

2. Khi cáp thông tin đi treo qua đường bị đứt, chủ sở hữu cột có trách nhiệm trồng cột mới (nếu cột bị gãy) hoặc kéo dây gia cường để treo tạm và thông báo cho chủ sở hữu cáp treo biết. Trong vòng 05 (năm) ngày khi có sự cố xảy ra, chủ sở hữu cáp phối hợp với đơn vị quản lý cột có phương án và triển khai chỉnh trang gọn cáp thông tin.

Điều 14. Phối hợp tháo dỡ, di dời cột treo cáp sử dụng chung

1. Đơn vị chủ sở hữu cột treo cáp là đầu mối thông báo cho các đơn vị có sử dụng chung cột treo cáp để cùng phối hợp giải quyết các vấn đề liên quan đến việc phải tháo dỡ, di dời cột điện để giải phóng mặt bằng.

2. Khi nhận được văn bản của các chủ dự án yêu cầu di dời thu hồi các cột treo cáp sử dụng chung hoặc ngầm hóa lưới điện, mạng cáp thì đơn vị chủ sở hữu cột treo cáp phải thông báo bằng văn bản đến tất cả các đơn vị có sử dụng chung cột treo cáp trước thời gian di dời ít nhất 07 (bảy) ngày để phối hợp thực hiện di dời đồng bộ theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 3 của Quy định này.

Điều 15. Xử lý sự cố mạng cáp treo

Các đơn vị có sử dụng chung cột điện và đơn vị có cột treo cáp phải thiết lập đường dây nóng của từng phạm vi, cung cấp đầy đủ các số điện thoại liên lạc cần thiết. Khi có sự cố cũng như các tình huống khẩn cấp, trong thời gian sớm nhất các bên phải phối hợp khắc phục ngay.

Điều 16. Trình tự xử lý trường hợp cáp thông tin treo không đúng quy định

1. Chủ sở hữu cột treo cáp có trách nhiệm kiểm tra thường xuyên mạng cáp treo trên cột. Khi phát hiện cáp treo không đúng quy định, phải báo cáo và phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương để lập biên bản vi phạm và thông báo thời gian tổ chức tháo dỡ, cắt cáp treo không đúng quy định đến các đơn vị có liên quan biết.

2. Trước khi tháo dỡ, cắt cáp ít nhất 01 (một) ngày, các đơn vị có cáp treo có trách nhiệm kiểm tra, thống kê số lượng, chủng loại và thể tài sản treo trên cáp của đơn vị. Đơn vị có cáp treo không tham dự xem

như thống nhất và hoàn toàn chịu trách nhiệm trong việc gián đoạn thông tin liên lạc của đơn vị khi đơn vị thi công thực hiện tháo dỡ, cắt cáp không xác định chủ sở hữu hoặc treo không đúng quy định.

3. Chủ sở hữu cột treo cáp lập biên bản hiện trường ghi nhận chủng loại, số lượng cáp của từng đơn vị và thực hiện đối chiếu với số liệu đã được các đơn vị cung cấp; chủng loại, số lượng cáp chuẩn bị tháo dỡ, cắt theo quy định.

4. Chủ sở hữu cột treo cáp và các đơn vị có liên quan ký xác nhận biên bản tháo dỡ, cắt cáp không đúng quy định tại hiện trường. Trường hợp không xác định được chủ sở hữu cáp hoặc chủ sở hữu có cáp treo sai quy định không đồng ý ký biên bản thì báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại địa phương để ký xác nhận biên bản.

5. Chủ sở hữu cột treo cáp thực hiện tháo dỡ, cắt cáp không xác định chủ sở hữu hoặc cáp treo không đúng quy định. Để hạn chế tối đa việc gián đoạn thông tin liên lạc, dây thuê bao treo không đúng quy định được tạm thời hạ thấp cho các đơn vị có cáp treo khẩn trương kiểm tra, sắp xếp, thay thế sợi cáp có dung lượng lớn hơn và thực hiện bó gọn, treo thẻ nhận diện cáp.

6. Chủ sở hữu cột treo cáp có trách nhiệm thu hồi, bảo quản cáp, dây thuê bao và các phụ kiện; tổ chức thu dọn, bảo vệ không để xảy ra việc mất cắp cáp và dây thuê bao sau khi thực hiện tháo dỡ, cắt cáp; phối hợp với các đơn vị có cáp treo lập biên bản ghi nhận khối lượng đã tháo dỡ, thu giữ và bảo quản; đồng thời, chủ trì tổ chức xử lý, thanh lý cáp thu hồi không xác định chủ sở hữu theo đúng quy định sau khi công trình chỉnh trang làm gọn hoàn thành.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở: Công Thương, Giao thông vận tải, Xây dựng tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức hiệp thương giá thuê cột treo cáp giữa bên sở hữu cột treo cáp và bên có nhu cầu sử dụng chung cột treo cáp theo quy định.

3. Hướng dẫn các chủ sở hữu cáp treo thực hiện công tác chỉnh trang, treo cáp thông tin đúng quy định của ngành viễn thông.

Điều 18. Sở Công Thương

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn thực hiện về việc đầu tư xây dựng, duy tu, bảo dưỡng, thu hồi liên quan đến việc sử dụng chung trụ điện để treo cáp.

2. Phối hợp với các Sở: Tài chính, Thông tin và Truyền thông và các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức hiệp thương giá thuê cột treo cáp giữa bên sở hữu cột treo cáp và bên có nhu cầu sử dụng chung cột treo cáp.

Điều 19. Sở Giao thông vận tải

1. Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp các đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc di dời hệ thống cột treo cáp để thực hiện các công trình giao thông theo thẩm quyền, đảm bảo kịp thời, đồng bộ.

2. Sở Giao thông vận tải phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan trong công tác lập quy hoạch giao thông phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật ngầm và hạ tầng kỹ thuật viễn thông trên địa bàn thành phố; đồng thời, rà soát, tham mưu việc thực hiện các quy hoạch hạ tầng kỹ thuật giao thông tại tuyến đường trên địa bàn thành phố, đảm bảo các tuyến đường mới được quy hoạch, đầu tư xây dựng có hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm theo đúng quy chuẩn kỹ thuật, đáp ứng đủ cho nhu cầu sử dụng hiện tại và tương lai theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Điều 20. Sở Xây dựng

1. Hướng dẫn, kiểm tra và xử lý vi phạm quy định về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn theo thẩm quyền.

2. Rà soát, tham mưu việc thực hiện các quy hoạch xây dựng tại các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp trên địa bàn thành phố, đảm bảo các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp mới được quy hoạch, đầu tư xây dựng có hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm theo đúng quy chuẩn kỹ thuật, đáp ứng đủ cho nhu cầu sử dụng hiện tại và tương lai theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Điều 21. Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định giá thuê cột treo cáp và công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư (từ nguồn ngân sách nhà nước) áp dụng thống nhất trên toàn địa bàn thành phố.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, các Sở quản lý chuyên ngành: Thông tin và Truyền Thông, Công Thương... và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức hiệp thương giá thuê cột treo cáp (ngoài nguồn ngân sách nhà nước) theo quy định pháp luật về quản lý giá.

Điều 22. Ủy ban nhân dân các quận, huyện

1. Chỉ đạo phòng chuyên môn phối hợp các đơn vị liên quan thực hiện kế hoạch chỉnh trang cáp hàng năm tại địa phương.

2. Khi triển khai xây dựng các dự án mới hoặc cải tạo tuyến đường, hẻm, công trình thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư phải thông báo và phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành có liên quan để thực hiện đồng bộ các quy hoạch hạ tầng kỹ thuật của thành phố.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kịp thời kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, ngầm hóa mạng cáp treo thuộc địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Chủ sở hữu cột treo cáp

1. Chủ trì, phối hợp với đơn vị sở hữu cáp xây dựng, triển khai kế hoạch chỉnh trang mạng cáp và chịu trách nhiệm đầu tư vật tư, phương tiện và các nguồn lực khác bằng nguồn kinh phí cho thuê cột treo cáp.

2. Trong thời gian 09 (chín) tháng kể từ ngày Quy định này có hiệu lực, chủ sở hữu cột treo cáp phải hoàn thành thu hồi các cột treo cáp không còn sử dụng của đơn vị mình.

3. Hàng năm, thống kê danh sách các tuyến đường, lập kế hoạch thực hiện chỉnh trang, đưa cáp thông tin vào gông nhằm đảm bảo an toàn và mỹ quan. Ngày 01 tháng 10 hàng năm, báo cáo kế hoạch và kết quả thực hiện chỉnh trang cáp; đồng thời, báo cáo tình hình thực hiện định kỳ 06 tháng (ngày 15 tháng 6 và ngày 05 tháng 12 hàng năm) gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo kịp thời.

4. Đối với cáp treo thông tin phục vụ cho lĩnh vực quốc phòng an ninh, khi có nhu cầu sử dụng chung cột treo cáp thì chủ sở hữu cột treo cáp phải có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị thực hiện nhiệm vụ.

Điều 24. Chủ sở hữu cáp

1. Có trách nhiệm phối hợp với chủ sở hữu cột treo cáp thực hiện kế hoạch chỉnh trang cáp hàng năm theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Quy định này.

2. Trong thời gian 09 (chín) tháng kể từ ngày Quy định này có hiệu lực, đơn vị phải tháo dỡ cáp dư thừa không còn sử dụng, cáp có nguy cơ gây mất an toàn cho cộng đồng, hệ thống điện hoặc mạng cáp thông tin.

3. Chủ sở hữu cáp thực hiện chế độ bảo trì, bảo dưỡng, kịp thời sửa chữa, thay thế các tuyến cáp, phụ kiện bị hư hỏng, xuống cấp và sắp xếp lại những tuyến cáp treo theo đúng quy định. Khi thực hiện bảo

tri, bảo dưỡng phải thông báo (bằng văn bản) cho đơn vị quản lý cột treo cáp và Sở Thông tin và Truyền thông trước 15 (mười lăm) ngày để có kế hoạch phối hợp, giám sát.

4. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch chỉnh trang, đưa cáp thông tin vào gông định kỳ 06 tháng (ngày 15 tháng 6 và ngày 05 tháng 12 hàng năm) gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, tham mưu, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo kịp thời./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Lê Hùng Dũng